Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 101

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Hồ Chí Minh	Giáp ranh xã Yên Thủy	Giáp ranh tỉnh Thanh Hóa	4.950	1.860	1.080	3.400	1.300	700	3.000	1.100	700
2	Đường Quốc lộ 12B	Toàn tuyến		4.950	1.860	1.080	3.400	1.300	700	3.000	1.100	700
3	Đường Tỉnh lộ 437	Ngã ba Cầm Thủy	Đường Hồ Chí Minh	3.150	1.310	780	2.200	900	500	1.900	800	500
4	Đường Tỉnh lộ 436B	Đường tỉnh 437	Giáp ranh xã Ngọc Sơn	580	320	240	220	200	150	170	150	100
5	Đường liên xã	Đoạn nối TL437 từ xóm Đa qua ngã 4 lâm trường	Giáp ranh xã Lạc Sơn	3.150	1.070	440	2.200	700	300	1.900	700	300
6	Đường liên xóm, trục xóm	Ngã ba xóm Búm III	K54	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
7		Nhà ông Cường xóm Láo Thành	Nhà ông Hải xóm Khi	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
8		Nhà ông Lư	Nhà ông Thành	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
9		Nhà ông Phong	Nhà ông Chanh xóm Láo	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
10		Nhà ông Hìm	Nhà văn hóa xóm Tưa 1	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
11		Nhà ông Mạch	Nhà ông Khoảy	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
12		Nhà ông Trần Văn Nam	Hết xóm Búm 1	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
13		Nhà ông Tân phố Re	Nhà ông Khoáy xóm Trán	2.750	1.520	1.100	1.000	600	400	800	400	300
14		Nhà ông Chi xóm Re	Nhà ông Danh xóm Re	2.750	1.520	1.100	1.000	600	400	800	400	300
15		Nhà ông Chin xóm Re	Nhà ông Danh xóm Re	2.750	1.520	1.100	1.000	600	400	800	400	300
16		Nhà ông Sơn xóm Re	Nhà ông Bây xóm Re	2.750	1.520	1.100	1.000	600	400	800	400	300
17		Nhà ông Đình xóm Re	Ngã tư nhà Bà Nguyệt	2.750	1.520	1.100	1.000	600	400	800	400	300
18		Ngã ba thửa đất nhà bà Mão	Nhà ông Bịch xóm Láo Thành	2.550	1.410	1.020	950	530	380	720	400	290
19		Nhà ông Hùng xóm Láo Thành	Nhà ông Huy xóm Láo Thành	2.550	1.410	1.020	950	530	380	720	400	290
20		Ngã ba xóm Vổ	Nhà ông Tú xóm Trán	1.560	530	360	1.100	400	200	900	300	200
21		Nhà ông Phao	Nhà ông Cốt	1.560	530	360	1.100	400	200	900	300	200
22		Ngã ba nhà ông Nhỏ xóm Búm 3	Nhà ông Sư xóm Búm 3	1.560	860	630	590	330	230	440	240	180
23		Nhà ông Vển xóm Láo Thành	Nhà ông Hanh xóm Láo Thành	1.560	860	630	590	330	230	440	240	180

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
24		Nhà ông Tin xóm Ngái	Ngã ba nhà ông Lớp xóm Tuôn tiếp theo đến Ngã ba nhà ông Khương đi đến hết thửa đất nhà ông Dâm xóm Tuôn	1.560	860	630	590	330	230	440	240	180
25		Ngã ba ông Hân xóm Tưa 3	Nhà ông Duân xóm Tưa 2	1.560	860	630	590	330	230	440	240	180
26		Ngã tư nhà bà Nguyệt phố Re	Nhà ông Thắng xóm Bún 1	1.560	860	630	590	330	230	440	240	180
27		Nhà ông Khin xóm Khao	Đi xóm Nại đến hết thửa đất nhà ông Phạy	1.750	620	400	1.200	400	300	1.100	400	300
28		Quán sửa xe máy nhà ông Phúc xóm Câu	Hết thửa đất nhà ông Nghệ xóm Câu	1.750	620	400	1.200	400	300	1.100	400	300
29		Ngã ba nhà ông Nguyên xóm Song Khảnh	Hết thửa đất nhà ông Bùi Văn Ba	1.750	620	400	1.200	400	300	1.100	400	300
30		Nhà ông Vì xóm Khao	Hết thửa đất nhà ông Phương xóm Cai	1.750	620	400	1.200	400	300	1.100	400	300
31	Đường liên xóm, trục xóm	Ngã tư Lâm Trường	Nhà ông Thái xóm Nạch (Sân bóng xóm Nạch)	1.750	620	400	1.200	400	300	1.100	400	300
32		Ngã ba nhà ông Chung xóm Mặc	Nhà ông Giang xóm Mặc	1.750	620	400	1.200	400	300	1.100	400	300
33		Trường tiểu học Tân Mỹ đi qua xóm Câu	Cây đa Xóm Nại	1.750	970	700	650	360	260	490	270	200
34		Ngã ba trạm kiểm lâm bảo tồn đấu nối đường tỉnh 436	Đi hết trục đường chính xóm Lọt	540	410	270	380	290	200	310	230	160
35		Ngã ba đấu nối đường tỉnh 436	Hết thửa đất nhà ông Lâm xóm Bu	540	410	270	380	290	200	310	230	160
36		Thửa đất nhà ông Bùi Văn Huy xóm Trội	Hết thửa đất nhà ông Diễn xóm Trội	540	410	270	380	290	200	310	230	160
37		Nhà văn hóa xóm Mặc	Giáp ranh giới xã Lạc Sơn	1.050	580	420	390	220	160	300	170	120
38		Ngã ba xóm Yên Kim	Nhà văn hóa xóm Mu Mạ	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
39		Ngã ba xóm Hổ 1	Hết xóm Tưa	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
40		Ngã ba xóm Hổ 1 (Quán tình quê)	Nhà văn hóa xóm Hổ 2	2.750	930	630	1.900	600	400	1.700	600	400
41		Nhà Hiển Tiền xóm Gò Cha 2	Hết xóm Gò Cha 2	2.550	860	580	1.700	600	400	1.500	500	400

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
42	Đường liên xóm, trục xóm	Nhà ông Thanh Hà xóm Sống	Nhà văn hóa xóm Đam	2.550	840	630	1.800	600	400	1.600	600	400
43		Nhà văn hóa xóm Mu Mạ	Nhà văn hóa xóm Gò Cha 2	1.560	520	390	1.100	400	300	1.000	400	200
44		Ngã ba thửa đất nhà ông Huân	Doanh trại bộ đội K54	1.560	520	390	1.100	400	300	1.000	400	200
45		Nhà văn hóa xóm Hổ 2	Hết xóm Hổ 2	1.560	520	390	1.100	400	300	1.000	400	200
46		Nhà văn hóa xóm Mu Mạ	Hết thửa đất nhà ông Dũng xóm Riềng	1.560	860	630	590	330	230	440	240	180
47		Nhà văn hóa xóm Đam	Đường Hồ Chí Minh	1.450	480	360	1.000	400	300	900	400	200
48		Ngã tư thửa đất nhà bà Xuất xóm Lục 1	Nhà ông Sợi xóm Lục 3	1.450	480	360	1.000	400	300	900	400	200
49	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			500			190			140		